

# HỌC TẬP HỌC PHẦN “*GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG*” THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN KHOA ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

○ ThS. ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG\*

**D**ịa lí (ĐL) là môn học có nhiều khả năng giáo dục (GD) vì sự phát triển bền vững (PTBV) cho người học, giúp họ nhận thức và hiểu được mối quan hệ qua lại giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; trang bị kiến thức và kỹ năng, thúc đẩy những giá trị, hành vi cần thiết cho PTBV; có những hành động cụ thể vì một xã hội bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường, một lối sống hài hoà với việc sử dụng bền vững và công bằng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

1. Ý nghĩa của hoạt động ngoại khóa (HĐNK) trong GDPTBV

HĐNK giúp người học có khả năng: cụ thể hóa, mở rộng và làm phong phú nội dung của chương trình nội khóa; thực hành các kỹ năng điều tra, nghiên cứu và giao tiếp trong xã hội; đánh giá các giá trị, kỹ năng định hướng trong việc giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống xã hội...; phát hiện những biến đổi bất lợi của môi trường do tác động của con người và những tổn tại bất hợp lý của chính sách, phương pháp khai thác các nguồn lực kinh tế, phương pháp quản lý xã hội trong quá trình phát triển.

HĐNK không bị gò bó bởi thời gian, không gian và khung chương trình nên người học có nhiều điều kiện hơn để tổ chức. Qua các hoạt động ngoài thực tiễn như: khảo sát thực tế, điều tra thực tế, trò chơi ngoại khóa, tham quan dã ngoại... giúp người học có nhiều điều kiện tự học, tự quan sát, tự phát huy sáng kiến của mình. Theo Jean Vial (1986), PPDH tích cực có 3 tiêu chuẩn chủ yếu: *hoạt động, tự do, tự giáo dục*. Tổ chức các HĐNK cũng chính là dạy theo PPDH tích cực.

PTBV có mối quan hệ với mọi lĩnh vực của cuộc sống như văn hóa xã hội, môi trường và kinh tế. Các vấn đề PTBV gắn liền với thực tiễn nên việc dạy “lí thuyết hàn lâm” đơn thuần ở trong

lớp học là chưa đủ, mà thông qua quá trình dạy học giúp con người có nhiều cơ hội ứng dụng những nguyên tắc PTBV vào cuộc sống, giúp họ được tham gia các hoạt động thực tế, tự học tập qua quá trình trải nghiệm của bản thân. SV sau khi được trang bị kiến thức GDPTBV giúp họ có được những năng lực cần thiết *cho phép tổ chức tương lai một cách tích cực và có trách nhiệm. Đây là năng lực chúng ta cần để tạo dựng một xã hội nhân văn, công bằng... hôm nay và trong tương lai* (1). Những năng lực được OECD đưa ra phù hợp với các năng lực mà người học được trang bị trong GDPTBV, gồm: biết hành động độc lập và tự chịu trách nhiệm với bản thân; có khả năng sử dụng tốt nhất những công cụ giao tiếp và tri thức như; có khả năng hành động trong các nhóm không đồng nhất trong xã hội.

2. Mục tiêu và chương trình của môn học GDPTBV khoa ĐL - Trường ĐHSPh Hà Nội

1) *Mục tiêu*: - Về kiến thức, giúp SV hiểu: lịch sử hình thành; các khái niệm cơ bản về thập kỉ GDPTBV (2005-2014); 15 nội dung cơ bản; các thành viên tham gia; phạm vi hoạt động GDPTBV;

- Về kỹ năng, giúp SV có khả năng: phân tích được mối quan hệ giữa GD và sự PTBV; hiểu được những nội dung cơ bản của GDPTBV; vai trò của UNESCO và Việt Nam trong Thập kỉ GDPTBV; vận dụng những kiến thức đó vào thực tế của địa phương và đất nước; - Về thái độ - hành vi, giúp SV có tinh thần lạc quan trong cuộc sống, học tập; tình yêu quê hương đất nước; tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội; có lối sống tích cực và bền vững.

2) *Chương trình GDPTBV*. Học phần GDPTBV của SV năm thứ 4, khoa ĐL, Trường ĐHSPh Hà Nội gồm 2 tín chỉ. Chương trình môn học chủ

\* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

trọng nhiều tới khả năng tự học, giải quyết các bài tập trên lớp và thảo luận của SV. Tổng số tiết dạy trong học phần GDPTBV là 106 tiết (12 tiết bài tập, 6 tiết thảo luận, 60 tiết dành cho SV tự học). Đây là cơ hội thuận lợi để dạy học ngoại khóa GDPTBV cho SV của khoa vì HDNK cần nhiều thời gian tự học, tự trải nghiệm.

3. Tính khả thi của GDPTBV thông qua HDNK cho SV khoa DL Trường DHSP Hà Nội

Điều tra 160 SV khóa 57 và 58 của khoa (vào tháng 12 năm học 2010 - 2011 và năm học 2011 - 2012), chúng tôi thu được kết quả:

1) **Về nhận thức.** 89% SV cho rằng HDNK có vai trò rất quan trọng trong học tập, đặc biệt quan trọng đối với học phần GDPTBV; 11% SV chưa thấy sự cần thiết của hoạt động này; 82,5% nhận thấy HDNK là hình thức học tập quan trọng, nhằm hình thành và phát triển năng lực sống, làm việc một cách bền vững nhằm thay đổi thái độ hành vi của người học theo hướng PTBV; 17,5% SV còn «phản văn» vì chất lượng việc hướng dẫn HDNK còn phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng dạy học và kinh nghiệm hướng dẫn của người dạy; 87,6% SV đánh giá HDNK giúp người học có cơ hội được học qua sự trải nghiệm từ các tình huống thực tế, giúp các em hình thành kĩ năng sống và học tập tốt hơn (tuy nhiên có 12,4% SV không đồng ý với quan điểm này); 85% cho rằng, cần hướng dẫn HDNK cho SV để các em có cơ hội tự học cũng như trang bị cho các em các kĩ năng hướng dẫn lại cho HS sau khi ra trường.

2) **Về hứng thú học tập:** 75% SV cho rằng, HDNK giúp các em có hứng thú trong học tập; 85% nhận thấy được hướng dẫn HDNK giúp các em có thêm tự tin, kinh nghiệm trong một số kĩ năng sống và học tập (như: hợp tác nhóm, báo cáo khoa học, tự đánh giá...). Một trong những nguyên tắc của HDNK là dựa trên sự tự nguyện tham gia của người học, giúp họ tự tin và đam mê đối với môn học và có nhiều kinh nghiệm hơn để hướng dẫn HDNK cho học sinh sau khi ra trường.

Tuy nhiên, dù rất có hứng thú khi tham gia các HDNK và hiểu được tầm quan trọng của hoạt động này nhưng SV lại quan tâm nhiều hơn tới các nội dung và câu hỏi giảng viên đưa ra trong chương trình nội khóa vì còn «để thi». Để khắc phục tâm lý này, khi tiến hành HDNK GDPTBV, cần có nhiều hình thức mang tính thực tiễn, trang bị cho người học được các kĩ năng tổ chức các hoạt động học tập sau khi ra trường.

3) **Về thái độ học tập.** Đối với HDNK GDPTBV, SV phải «tự học» là chính; vì vậy, kết quả học tập của người học phụ thuộc nhiều vào thái độ học tập của họ. Qua trao đổi, quan sát, điều tra bằng phiếu đối với SV, chúng tôi nhận thấy: 100% SV có thái độ tích cực khi tham gia các HDNK dưới sự hướng dẫn của GV và kết quả là 100% SV đều hoàn thành công việc sau khi GV gợi ý. Tuy nhiên, hiệu quả làm việc theo nhóm chưa đồng đều: 70% SV có ý kiến rằng chỉ một số người trong nhóm làm việc tích cực, số còn lại có tư tưởng «dựa dẫm» vào những người trong nhóm. Việc tự học, tự tìm hiểu kiến thức của SV cũng còn một số hạn chế. 65% SV tự nhận còn dành ít thời gian để lên thư viện, vào mạng internet... để tra cứu tài liệu; 55% nhận thấy thường bận rộn hơn vào gần tới thời gian nộp bài tập và lúc sắp thi vì chưa được lập kế hoạch việc học tập phù hợp.

Như vậy, giữa sự nhận thức và thái độ học tập của SV trong học phần GDPTBV thông qua HDNK có sự khác biệt. Theo chúng tôi, để SV có thái độ học tập tích cực, ngoài việc giúp họ có được những hiểu biết sâu sắc về nội dung PTBV, GV cần giúp SV có được các kĩ năng học tập một cách khoa học, hợp lí và có hứng thú khi học học phần này.

Hiện nay, việc tổ chức các HDNK GDPTBV còn gặp những khó khăn do: chưa được chú trọng, kinh nghiệm tổ chức HDNK, tài liệu hướng dẫn còn thiếu (sách tham khảo về PTBV chưa có, tài liệu giảng dạy chủ yếu do GV tự soạn,...); chương trình nội khóa chiếm thời lượng lớn nên SV còn rất ít thời gian dành cho việc tham gia các HDNK; khó tổ chức vì nằm ngoài khung chương trình; lớp học quá đông gây khó khăn cho việc tổ chức; phương tiện và cơ sở vật chất để tổ chức HDNK chưa đầy đủ,... Để khắc phục, theo chúng tôi cần:

Các cấp quản lí tạo cơ hội, điều kiện để HDNK tiến hành thường xuyên và mang hiệu quả thực tế; GV dạy học phần GDPTBV có kế hoạch cụ thể để nội dung dạy học nội khóa và dạy học ngoại khóa có sự kết hợp chặt chẽ thành một khối kiến thức thống nhất; xây dựng tài liệu về hướng dẫn HDNK trong GDPTBV để người dạy có những định hướng chung; kết hợp với các tổ chức khác (Đoàn thanh niên, Hội SV, giáo viên chủ nhiệm...)

(Xem tiếp trang 62)

như: «1 +3» (1 năm học ở trường, 3 năm học tại CSSX), «0+4» (4 năm học tại CSSX).

Tuy được đánh giá cao như vậy, song theo chúng tôi, việc áp dụng MH này vào Việt Nam giai đoạn hiện nay cần có thêm gian nghiên cứu, thử nghiệm bởi thị trường lao động nước ta đang trong tình trạng «thả nổi»; các CSGD, CSSX chưa thực sự «bắt tay» hợp tác với nhau; còn hiện tượng «cung» không hợp «cầu»; lực lượng lao động qua ĐT vừa thừa, vừa thiếu, vừa yếu,... rất dễ gây nên tình trạng mất cân đối trong ĐT, giảm hiệu quả quá trình liên kết.

• • •

Từ một số MH nêu trên, thiết nghĩ, hoạt động liên kết ĐTN ở Việt Nam cần có sự nhìn nhận toàn diện, tích cực hơn nhằm từng bước vươn tới mục tiêu ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đó là: cần thay đổi tư duy ĐTN, coi chất lượng ĐTN là trách nhiệm của nhà nước, nhà trường và nhà sử dụng lao động; xây dựng hệ thống chính sách về liên kết ĐT giữa CSGD và CSSX với những cam kết ràng buộc trách nhiệm; CSGD và CSSX cùng tham gia xây dựng chương trình ĐTN, phát triển chuẩn ĐTN và đánh giá kĩ năng nghề. □

(1) Chính phủ. **Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020.**

## Học tập học phân...

(Tiếp theo trang 54)

để có nhiều hoạt động phong phú mang lại hiệu quả học tập tốt hơn. □

(1) Gerhard de Haan. "Học tính bền vững". Hội thảo - tập huấn quốc gia "Thiết kế và thực hiện các chương trình và dự án về Giáo dục vì sự phát triển bền vững (2005-2014)". Hà Nội, 2008.

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Ánh. *Tổ chức hoạt động ngoại khoá giáo dục môi trường cho sinh viên cao đẳng sư phạm Hà Giang qua học phân địa lí địa phương*. Luận văn thạc sĩ. Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Hữu Châu (chủ biên). *"Dân số sức khỏe sinh sản vị thành niên thông qua các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường"*. Dự án do Quỹ dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) tài trợ cho Bộ GD-ĐT, 2008.
3. Nguyễn Thị Thu Hằng - Trần Đức Thuận. *"Giáo dục vì sự phát triển bền vững qua môn Địa lí"* (Tài liệu

(2) Viện Khoa học xã hội - Viện Ngôn ngữ học. **Từ điển tiếng Việt**. Trung tâm Từ điển - Ngôn ngữ. H. 1992.

(3) **Từ điển Triết học**. NXB Văn hóa thông tin. H. 2002.

(4) Trần Kiểm. **Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007

(5) Lisbeth Lundahh - Theodor Sander. **Vocational Education and training in Germany and Sweden**. *TNTEE publications volume 1*. Swende, 8/1998.

(6) Volker Ihde. **The Dual system of vocational education in Germany - Basic Assess of system and its adaptation to the challenges of the 21st century**. Germany. 2004.

### SUMMARY

*The relationship between businesses and colleges in Vietnam is now being cared. However, there is a lack of education-industry linkage eventhough the benefits of this linkage is clear. Both businesses and colleges have benefits but in the fact, both sides don't actually link together for many reasons. One of those reasons is the shortage of models of linkage between businesses and colleges. This article will analyze two typical models applying in many countries in the world such as: the dual system of Germany and "2+2" model of Noway. Each of models has advantages and disadvantages. Therefore, it is necessary to base on conditions in Vietnam to choose a suitable model which improve vocational training system.*

đạy học dành cho sinh viên khoa Địa lí). Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.

4. **Thập kỉ giáo dục vì sự phát triển bền vững 2005-2014**. UNESCO, 2005.

5. Đặng Văn Đức. **Lí luận dạy học địa lí (Phần đại cương)**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007.

6. Trần Bá Hoàn. **Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa**. NXB Đại học sư phạm, 2007.

### SUMMARY

*Education for sustainable development for students in Geography Faculty of Ha Noi National University of Education by extrar curricular activities have an important role. We enquire the opinions of students into the status of education for sustainable development by extra curricular activities, the results: the students think that the extrar curricular activities are important about teaching the course Education for Sustainable Development. Organizing extrar curriculum activities to help learners have a practicality, practical skills, self-learning capability, moral values and change the behavior. However, now we organizing extrar curricular activities for students have some difficult: the opinion of students, conditions of class, time...*